TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2023
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Châu Kha

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Thái;
2. Ông Niê Y Ling (Ma Bin).

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Kim Vinh – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lương Như Hoàn – Kiểm sát viên sơ cấp.

Lúc 10 giờ 50 ngày 29-9-2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện S. TAND huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 89/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16-6-2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-9-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21-9-2023 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số 02/2023/TB-TA ngày 25-9-2023 của TAND huyện Sgiữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Ksor Hờ L(Mí Hơn), sinh năm 1993; địa chỉ: **Buôn L, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên**. Dân tộc: Ê đê. Nghề nghiệp: Làm nông. Có mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Hving Y D**, sinh năm 1988; địa chỉ: **Buôn L, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên**. Dân tộc: Ê đê. Nghề nghiệp: Làm nông. Vắng mặt.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn đề ngày 24-4-2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hờ L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Hờ L và anh Y D tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên

vào ngày 24-5-2013. Vợ chồng sống chung thời gian đầu hạnh phúc. Từ tháng 12 năm 2021, vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn do Y D không biết đi làm kiếm tiền nuôi con, chỉ biết uống rượu về chửi vợ con, tự ý đi vay tiền không cần hỏi vợ và dẫn đến có sự cãi vã, không có tiếng nói chung, ngày càng trở nên gay gắt, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn tình cảm, đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, vì vậy chị Hờ L khởi kiện xin ly hôn với anh Y D.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Hờ L và anh Y D có ba con chung: - Ksor Hờ H, sinh ngày 05-11-2012, giới tính: Nữ;

- Ksor Hờ B, sinh ngày 07-10-2017, giới tính: Nữ;
- Ksor Y T, sinh ngày 08-01-2020, giới tính: Nam;

Sau khi ly hôn, chị Hờ L xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Y D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Hờ L và anh Y D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Y D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị Hờ L giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Y Don, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Anh Y D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành tống đạt và xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu: Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, các quyền và nghĩa vụ của đương sự đã được thực hiện đầy đủ.

Về nội dung vụ án: Chị Hờ L và anh Y D đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên vào ngày 24-5-2013, quá trình chung sống không hạnh phúc, đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm đến nhau và có ba con chung tên Ksor Hờ H, sinh ngày 05-11-2012, giới tính: Nữ; Ksor Hờ B, sinh ngày 07-10-2017, giới tính: Nữ và Ksor Y T, sinh ngày 08-01-2020, giới tính: Nam;

Sau khi ly hôn, chị Hờ L xin được tiếp tục nuôi ba con chung, không yêu cầu anh Y D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, chị Hờ L cho rằng, chị Hờ L anh Y D không có tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh Y D không có mặt đến lần thứ hai, không có bản tự khai xem như tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hờ Lôi, cho chị Hờ L ly hôn với anh Y D. Về con chung: Có 3 con chung, tên Ksor Hờ H, sinh ngày 05-11-2012, giới tính: Nữ; Ksor Hờ B, sinh ngày 07-10-2017, giới tính: Nữ và Ksor Y T, sinh ngày 08-01-2020, giới tính: Nam, chấp nhận sau khi ly hôn, chị Hờ L được tiếp tục nuôi ba con và phù hợp với nguyện vọng của Ksor Hờ H, không yêu cầu anh Y D cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem

xét. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng dân sự:

Chị Hờ L có đơn đề nghị tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị Hờ L và anh Hving Y D; địa chỉ: Buôn L, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, TAND huyện S, tỉnh Phú Yên đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hờ L và anh Y D tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên vào ngày 24-5-2013. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thường xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Xét thấy, không còn tình cảm, không thể hàn gắn chung sống nên chị Hờ L xin ly hôn với anh Y Don, quá trình tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Y D vắng mặt đến phiên tòa lần thứ hai nên không có lời trình bày ý kiến được xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình phù hợp với phát biểu của kiểm sát viên nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hờ Lôi.

[3] Về con chung: Chị Hờ L và anh Y D có ba con chung tên Ksor Hờ H, sinh ngày 05-11-2012, giới tính: Nữ; Ksor Hờ B, sinh ngày 07-10-2017, giới tính: Nữ và Ksor Y T, sinh ngày 08-01-2020, giới tính: Nam, chấp nhận sau khi ly hôn, chị Hờ L được tiếp tục nuôi ba con và phù hợp với nguyện vọng của con chung tên Ksor Hờ H, không yêu cầu anh Y D cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị Hờ L anh Y D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ksor Hờ L. Cho chị Ksor Hờ L ly hôn anh Hving Y D.

2. Về con chung: Chị Hờ L được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung và phù hợp với nguyện vọng của Ksor Hờ Hơn, gồm:

- Ksor Hờ H, sinh ngày 05-11-2012, giới tính: Nữ;
- Ksor Hờ B, sinh ngày 07-10-2017, giới tính: Nữ;
- Ksor Y T, sinh ngày 08-01-2020, giới tính: Nam;

** Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Hờ L không yêu cầu, vì vậy anh Y D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, nếu lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung: Chị Hờ L, anh Y D không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hờ L phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001479 ngày 15-6-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên. Vì vậy, về án phí chị Hờ L đã thi hành xong.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Đương sự;
- VKSND huyện S;
- CCTHADS huyện S;
- UBND thị trấn H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Châu Kha